

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng
chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Thương mại điện tử
của Đại học Kinh tế Quốc dân**

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 685/QĐ-KĐCLGDTL ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc kiện toàn nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Thương mại điện tử của Đại học Kinh tế Quốc dân;

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên họp thứ 22 ngày 22 tháng 10 năm 2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Thương mại điện tử của Đại học Kinh tế Quốc dân. Đoàn Đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Thương mại điện tử của Đại học Kinh tế Quốc dân đúng quy định hiện hành.

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Thương mại điện tử của Đại học Kinh tế Quốc dân sau thẩm định là: Số tiêu chí được đánh giá “Đạt” từ 4 điểm trở lên là 47 tiêu chí chiếm 94%, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí đạt yêu cầu (Chi tiết trong Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này).

Điều 2. Kiến nghị Đại học Kinh tế Quốc dân cần thực hiện các nhóm giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Thương mại điện tử (Chi tiết trong Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này).

Điều 3. Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Thương mại điện tử của Đại học Kinh tế Quốc dân theo quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hội đồng KĐCLGD;
- ĐH Kinh tế Quốc dân;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Đường



Phụ lục I
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG

**Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Thương mại điện tử
của Đại học Kinh tế Quốc dân**

*(Kèm theo Nghị quyết số 115/NQ-HĐKĐCLGD ngày 23/10/2025
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)*

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 1		4,00	3	100
Tiêu chí 1.1	4			
Tiêu chí 1.2	4			
Tiêu chí 1.3	4			
Tiêu chuẩn 2		3,67	2	66,67
Tiêu chí 2.1	4			
Tiêu chí 2.2	3			
Tiêu chí 2.3	4			
Tiêu chuẩn 3		3,67	2	66,67
Tiêu chí 3.1	4			
Tiêu chí 3.2	3			
Tiêu chí 3.3	4			
Tiêu chuẩn 4		4,00	3	100
Tiêu chí 4.1	4			
Tiêu chí 4.2	4			
Tiêu chí 4.3	4			
Tiêu chuẩn 5		3,80	4	80,00
Tiêu chí 5.1	4			
Tiêu chí 5.2	4			
Tiêu chí 5.3	3			
Tiêu chí 5.4	4			
Tiêu chí 5.5	4			
Tiêu chuẩn 6		4,14	7	100
Tiêu chí 6.1	4			
Tiêu chí 6.2	4			
Tiêu chí 6.3	4			
Tiêu chí 6.4	4			
Tiêu chí 6.5	4			
Tiêu chí 6.6	4			
Tiêu chí 6.7	5			

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 7		4,00	5	100
Tiêu chí 7.1	4			
Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 7.3	4			
Tiêu chí 7.4	4			
Tiêu chí 7.5	4			
Tiêu chuẩn 8		4,40	5	100
Tiêu chí 8.1	5			
Tiêu chí 8.2	4			
Tiêu chí 8.3	4			
Tiêu chí 8.4	5			
Tiêu chí 8.5	4			
Tiêu chuẩn 9		4,40	5	100
Tiêu chí 9.1	4			
Tiêu chí 9.2	5			
Tiêu chí 9.3	4			
Tiêu chí 9.4	5			
Tiêu chí 9.5	4			
Tiêu chuẩn 10		4,00	6	100
Tiêu chí 10.1	4			
Tiêu chí 10.2	4			
Tiêu chí 10.3	4			
Tiêu chí 10.4	4			
Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chí 10.6	4			
Tiêu chuẩn 11		4,40	5	100
Tiêu chí 11.1	4			
Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 11.3	5			
Tiêu chí 11.4	5			
Tiêu chí 11.5	4			

Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
4,08	47	94



Phụ lục II KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Thương mại điện tử của Đại học Kinh tế Quốc dân

(Kèm theo Nghị quyết số 115/NQ-HĐKĐCLGD ngày 23/10/2025
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

I. NHỮNG ĐIỂM MẠNH NỔI BẬT

Kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ đại học ngành Thương mại điện tử (TMĐT) của Đại học Kinh tế Quốc dân, giai đoạn 2019 - 2024 cho thấy có những điểm mạnh cần tiếp tục phát huy như sau:

1. Mục tiêu CTĐT được xác định rõ ràng, cơ bản phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học được quy định trong Luật Giáo dục Đại học. Chuẩn đầu ra của CTĐT được xác định rõ với các nội dung về kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ và trách nhiệm, phản ánh được yêu cầu chung và chuyên biệt, thông qua việc tham khảo ý kiến của các bên liên quan. Chuẩn đầu ra của CTĐT được rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai bằng các hình thức khác nhau để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

2. Bản mô tả CTĐT có đầy đủ thông tin theo quy định; đã cập nhật những vấn đề mới của lĩnh vực ngành đào tạo. Đề cương chi tiết được xây dựng cho tất cả các học phần, cơ bản đã có đủ các thông tin cần thiết theo quy định hiện hành, được định kỳ rà soát, điều chỉnh, cập nhật, cải tiến; được công bố công khai, Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần được phổ biến cho công khai để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

3. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra của CTĐT, có cấu trúc hợp lý bao gồm các khối học phần giáo dục đại cương, cơ sở ngành, giáo dục chuyên nghiệp, thực tập nghề nghiệp, khóa luận tốt nghiệp. Đề cương chi tiết các học phần nêu rõ học phần tiên quyết/điều kiện, mô tả phương thức kiểm tra đánh giá theo đặc thù môn học. Chương trình dạy học được rà soát, đối sánh CTĐT cùng ngành trong/ngoài nước, bảo đảm tính linh hoạt và tích hợp.

4. Triết lý giáo dục của Trường được tuyên bố chính thức, công bố năm 2021, được phổ biến rộng rãi tới các bên liên quan, được truyền tải vào CTĐT. Hoạt động dạy học được thiết kế đầy đủ trong đề cương chi tiết học phần. Giảng viên áp dụng phương pháp dạy học phù hợp để rèn kỹ năng và bồi dưỡng năng lực học tập suốt đời; đồng thời tổ chức nghiên cứu khoa học, báo cáo chuyên đề thực tập và khóa luận tốt nghiệp nhằm phát triển năng lực cốt lõi của người học.

5. Nhà trường đã ban hành đầy đủ quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học tập, hướng dẫn thiết kế phương pháp đánh giá bám chuẩn đầu ra được phổ biến đến giảng viên và người học. Kết quả học tập của người học được quản lý phần mềm quản lý đào tạo, công bố điểm qua tài khoản của người học. Thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, địa điểm công bố, thời hạn thông báo kết quả, cho người học và thời gian lưu trữ bài thi được quy định rõ ràng. Hình thức kiểm

tra đánh giá đa dạng. Kết quả học tập được công bố kịp thời. Các quy định về phản hồi kết quả đánh giá được Nhà trường công bố công khai rộng rãi, kịp thời đến giảng viên và người học.

6. Đội ngũ giảng viên được quy hoạch, phát triển theo định hướng Chiến lược của Trường; tỉ lệ người học/giảng viên duy trì ở mức thấp, đáp ứng quy định. Cơ chế quản lý, quy đổi khối lượng công việc rõ ràng, minh bạch. Năng lực giảng viên được đánh giá qua quy trình nhiều cấp, công khai; đa số hoàn thành tốt/xuất sắc nhiệm vụ. Công tác bồi dưỡng được triển khai thường xuyên, đa dạng. Hoạt động quản trị theo kết quả gắn đánh giá, khen thưởng. Hoạt động nghiên cứu khoa học được định hướng, giám sát và đối sánh định kỳ; giảng viên thực hiện CTĐT có nhiều công bố trong/ngoài nước và tham gia đề tài các cấp. Tỉ lệ bài báo/GV/năm của Viện cao hơn quy định tại Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT về chuẩn cơ sở giáo dục đại học.

7. Đội ngũ nhân viên phục vụ được quy hoạch, phát triển theo Chiến lược phát triển Trường và Đề án vị trí việc làm. Các quy định tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển được công khai, triển khai thống nhất. Nhu cầu tuyển dụng được tổng hợp đáp ứng yêu cầu công việc, bảo đảm đủ số lượng và chất lượng. Công tác đánh giá được thực hiện theo tiêu chí rõ ràng, bước đầu áp dụng KPI cho nhân viên hành chính; đồng thời lấy ý kiến về sự hài lòng của bên liên quan. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng được duy trì thường xuyên. Kết quả công việc được giám sát, đánh giá thông qua giao ban tuần/tháng/quý, sơ kết 6 tháng, tổng kết năm và xếp hạng viên chức, bảo đảm minh bạch, hiệu quả.

8. Chính sách, tiêu chí tuyển sinh được quy định trong Đề án tuyển sinh của Trường, phù hợp với quy chế của Bộ Giáo dục & Đào tạo. Việc giám sát tiến độ học tập, rèn luyện và cảnh báo học vụ được quy định rõ ràng, có đơn vị thực hiện, theo dõi, giám sát. Công tác hỗ trợ người học được triển khai với sự tham gia các phòng ban chức năng. Môi trường tâm lý xã hội thân thiện, cảnh quan sư phạm sạch đẹp; Trung tâm dịch vụ hỗ trợ đào tạo vận hành bếp ăn cho sinh viên và cán bộ, giảng viên, nhân viên, đáp ứng vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động dạy – học và nghiên cứu khoa học.

9. Hệ thống phòng học, phòng làm việc và các phòng chức năng được trang bị đầy đủ các thiết bị cơ bản đáp ứng yêu cầu học tập và nghiên cứu, diện tích sàn đạt 4,48 m²/SV. Thư viện hiện đại, đầy đủ trang thiết bị có đầy đủ phòng đọc, phòng học nhóm, hệ thống kho sách; có không gian đọc mở, có hệ thống máy tính kết nối internet dùng tra cứu và tác nghiệp; có cơ sở dữ liệu phong phú kết nối với cơ sở dữ liệu nước ngoài, có đội ngũ nhân viên được đào tạo chuyên ngành thư viện. Hệ thống phòng thực hành có hệ thống máy tính và các thiết bị hỗ trợ cho các môn học của CTĐT. Hệ thống CNTT được đầu tư đầy đủ với máy tính, hạ tầng và các phần mềm hỗ trợ có bản quyền, được duy tu, bảo dưỡng và nâng cấp hằng năm phục vụ cho đào tạo, NCKH, đáp ứng nhu cầu học tập, giảng dạy trực tuyến. Hệ thống CNTT hoạt động ổn định, phục vụ tốt cho hệ thống đào tạo online. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác lập theo các quy định hiện hành và được triển khai thực hiện theo các quy định của Trường.

10. Hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được thiết lập. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được thu thập, xử lý và sử dụng để thiết kế/phát triển chương trình dạy học. Quy trình thiết kế, phát triển CTĐT/chương trình dạy học được thực hiện theo tài liệu hướng dẫn, được rà soát và cải tiến phù hợp quy định pháp luật và định hướng phát triển của Trường. Hoạt động dạy học, kiểm tra đánh giá và chất lượng các dịch vụ hỗ trợ (thư viện, phòng thí nghiệm, CNTT, dịch vụ khác) được quy định, đánh giá và cải tiến thường xuyên. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên có nghiên cứu khoa học liên quan hoạt động dạy – học, kết quả được chuyển hóa vào nội dung giảng dạy và cải tiến hoạt động học tập của người học. Cơ chế phản hồi của bên liên quan vận hành có hệ thống; chính sách bảo đảm chất lượng, quy định và công cụ khảo sát định kỳ được đánh giá, cập nhật và hoàn thiện.

11. Nhà trường đã xác lập, giám sát được các tiêu chí: tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp đúng hạn, tốt nghiệp; thời gian tốt nghiệp trung bình; tỷ lệ có việc làm; loại hình và các hoạt động nghiên cứu của sinh viên; mức độ hài lòng của các bên liên quan. Tỷ lệ học viên có việc làm sau tốt nghiệp cao, đạt 95,3%, trong đó phần lớn làm việc đúng ngành đào tạo. Hoạt động nghiên cứu khoa học của học viên được khuyến khích và hỗ trợ. Hoạt động khảo sát lấy ý kiến phản hồi của một số các bên liên quan được thực hiện với các nội dung và hình thức khác nhau theo quy trình thống nhất đã ban hành. Một phần lớn kết quả được áp dụng để cải tiến chất lượng CTĐT ngành TMĐT ngày một tốt hơn.

II. KIẾN NGHỊ

Tuy nhiên, CTĐT còn những điểm tồn tại cần khắc phục (Chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài). Trên cơ sở hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại phiên họp, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục kiến nghị Nhà trường cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp sau đây:

1. Rà soát và diễn đạt lại mục tiêu CTĐT phản ánh đầy đủ Sứ mạng, Tầm nhìn và yêu cầu hội nhập quốc tế; rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra theo hướng tiếp cận năng lực, sử dụng động từ, thành tố đo lường được theo thang Bloom để dễ đo lường, đánh giá; thiết lập cơ chế lấy ý kiến bên liên quan thường xuyên và đối sánh chuẩn đầu ra với CTĐT cùng ngành trong hoặc ngoài nước để cải tiến khách quan, tin cậy; đa dạng hóa kênh công bố thông tin về chuẩn đầu ra và tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn để người học hiểu, nắm rõ chuẩn đầu ra của CTĐT.

2. Hướng dẫn chi tiết việc khai thác Bản mô tả CTĐT, đặc biệt cách xác định phương pháp dạy học phù hợp để GV sử dụng hiệu quả khi xây dựng đề cương chi tiết và giới thiệu cho người học; rà soát hằng năm học liệu trong đề cương chi tiết để cập nhật tài liệu bắt buộc/tham khảo mới nhất; khảo sát các bên liên quan bên ngoài Trường mức độ dễ tiếp cận Bản mô tả CTĐT/đề cương chi tiết học phần; tổng hợp, phân tích kết quả để điều chỉnh hình thức công bố công khai, bảo đảm các bên liên quan tiếp cận thuận lợi và hiệu quả.

3. Rà soát chuẩn đầu ra CTĐT và chuẩn đầu ra các học phần và đề cương chi tiết học phần để xác định chính xác mức đóng góp của từng học phần, hoàn thiện ma trận liên kết chuẩn đầu ra học phần và chuẩn đầu ra CTĐT và làm căn cứ thiết kế nội dung chương–mục/chương trình dạy học; xây dựng ma trận phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá theo đặc thù học phần; tổ chức đánh giá mức độ đóng góp của các học phần vào chuẩn đầu ra của CTĐT; tăng cường tham vấn chuyên gia thiết kế CTĐT/chương trình dạy học và nhà tuyển dụng bằng câu hỏi mở để thu nhận góp ý chuyên sâu.

4. Ban hành hướng dẫn tích hợp Triết lý giáo dục vào thiết kế/cập nhật CTĐT và hoạt động dạy và học; tăng cường truyền thông về Triết lý giáo dục; thúc đẩy áp dụng phương pháp dạy học hiện đại, mở rộng số học phần dạy trực tuyến và nâng cấp bài giảng điện tử theo chuyển đổi số; tăng cơ hội trải nghiệm, thực tập tại doanh nghiệp trong và ngoài nước; rà soát, đánh giá tổng thể hiệu quả dạy học theo từng học phần để điều chỉnh giúp người học đạt chuẩn đầu ra; chuẩn hóa đề cương chi tiết, quy định rõ hình thức dạy và học, phương pháp dạy học, theo từng chương/mục, nêu yêu cầu tự học và phổ biến tới người học; ban hành hướng dẫn kiểm tra, giám sát thời lượng chuẩn bị, đọc tài liệu, tự học và bài tập trước lớp; cập nhật đề cương chi tiết với phương pháp dạy học hiện đại, hướng dẫn chi tiết tự học và cách đánh giá tự học; khuyến khích tính chủ động và sáng tạo, rèn kỹ năng nhằm nâng cao năng lực học tập suốt đời.

5. Xác định rõ hình thức kiểm tra đánh giá chuyên biệt theo từng loại nội dung học phần và tổ hợp công cụ đo chuẩn đầu ra về kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm kèm tiêu chí đánh giá cụ thể; tổ chức hội thảo tổng kết hiệu quả thi tiểu luận/bài tập lớn để đo mức đạt chuẩn đầu ra; rà soát quy định kiểm tra đánh giá và ban hành hướng dẫn riêng cho tiểu luận, báo cáo chuyên đề; tăng cường hậu kiểm bài kiểm tra giữa kỳ; ban hành quy trình đánh giá độ tin cậy, độ chính xác các hình thức kiểm tra đánh giá để đo mức đạt chuẩn đầu ra học phần và quy trình đánh giá mức đạt chuẩn đầu ra CTĐT; nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo để phân tích phổ điểm, độ tin cậy, tương quan điểm quá trình, điểm cuối kỳ; siết chặt giám sát công tác ra đề, chấm thi bảo đảm chính xác, công bằng; khảo sát định kỳ ý kiến người học về việc phản hồi kết quả học tập; ban hành quy trình giải quyết khiếu nại cho kiểm tra đánh giá quá trình, giữa kỳ, chấm khóa luận và báo cáo thực tập.

6. Xây dựng bộ chỉ tiêu phát triển đội ngũ rõ ràng, đồng bộ giữa các văn bản chiến lược; phân tích nhu cầu nhân lực theo đặc thù của CTĐT; phát triển phần mềm quản lý toàn diện khối lượng công việc giảng viên; áp dụng giải pháp giảm giảng dạy vượt định mức để cân bằng với nghiên cứu khoa học; bổ sung chính sách thu hút nhân lực chất lượng cao, đa dạng hóa kênh tuyển dụng và tiêu chí đặc thù cho CTĐT; lập kế hoạch phát triển giảng viên có học hàm GS/PGS; xây dựng bộ chỉ số đánh giá năng lực giảng viên toàn diện; tổ chức khảo sát định kỳ nhu cầu bồi dưỡng, theo dõi và đánh giá hiệu quả sau đào tạo; quản lý tập trung các khóa bồi dưỡng, mở rộng nội dung kỹ năng số và phương pháp dạy học hiện đại; lượng hoá các tiêu chí đánh giá kết quả công việc, gắn KPIs/OKRs và phản hồi từ sinh viên; nâng cấp phần mềm giám sát và khảo sát hài lòng của giảng viên

để nâng hiệu quả thi đua, khen thưởng; khuyến khích công bố quốc tế, tham gia đề tài Nafosted/cấp Nhà nước; cải tiến mô-đun quản lý khoa học công nghệ phục vụ thống kê, đối sánh và cải tiến chất lượng.

7. Rà soát, quy hoạch đội ngũ nhân viên theo ngắn hạn, trung hạn và dài hạn; dự báo nhu cầu dài hạn theo vị trí việc làm và đặt chỉ tiêu định lượng theo giai đoạn; tổ chức khảo sát bài bản ý kiến giảng viên, người học về mức độ đáp ứng (tinh thần, thái độ, hỗ trợ chuyên môn) của nhân viên và dùng kết quả để cải tiến; ban hành quy định nội bộ về điều chuyển nhân viên; đa dạng hóa kênh công khai quy định tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển; hoàn thiện quy chế đánh giá, xếp hạng theo tiếp cận năng lực, tích hợp kết quả khảo sát hài lòng bên liên quan vào đánh giá nhân viên; tập trung đào tạo, bồi dưỡng theo vị trí việc làm với kế hoạch dài hạn, trung hạn phù hợp Nghị quyết/chiến lược và quy định của Bộ Nội vụ; cụ thể hóa phân công nhiệm vụ hằng năm đến từng nhân viên để thuận lợi cho việc theo dõi, đánh giá và tạo động lực; thực hiện khảo sát cán bộ, nhân viên và người lao động theo đúng quy định về hoạt động khảo sát các bên liên quan của Nhà trường.

8. Tham vấn đa dạng bên liên quan ngoài Trường khi xây dựng Đề án tuyển sinh; phân tích, dự báo nhu cầu nhân lực theo lĩnh vực đào tạo để xác định chỉ tiêu phù hợp và thu hút sinh viên xuất sắc; so sánh, phân tích chất lượng học tập của người học theo từng phương thức tuyển sinh để lựa chọn phương thức tối ưu; ban hành quy trình theo dõi, giám sát sự tiến bộ của người học; tổng kết hằng năm và lập báo cáo làm căn cứ cải tiến giám sát kết quả học tập, khối lượng học tập, rèn luyện; tổ chức khảo sát định kỳ, đa dạng bên liên quan về môi trường tâm lý-xã hội, cảnh quan; lập báo cáo tổng hợp hằng năm để đối sánh kết quả giữa nhóm người học và các bên liên quan, xác định nguyên nhân chưa hài lòng và đề xuất cải tiến các dịch vụ hỗ trợ.

9. Rà soát, nâng cấp khu giảng đường B và C, thay thế thiết bị xuống cấp để tránh ảnh hưởng chất lượng dạy và học; mở rộng đối tượng lấy ý kiến về hoạt động thư viện tới giảng viên, nhân viên và tách riêng kết quả khảo sát về mức độ phù hợp của thư viện về các nguồn học liệu đối với ngành TMĐT; xây dựng bộ phiếu hỏi riêng cho giảng viên, người học về mức độ phù hợp phòng thực hành/thí nghiệm chuyên ngành TMĐT làm cơ sở cải tiến hiệu quả sử dụng; hoàn chỉnh phần mềm quản trị đại học tổng thể, đồng bộ hóa quản lý dữ liệu tập trung và hoàn thiện cơ sở dữ liệu bài giảng E-learning đáp ứng xu hướng chuyển đổi số trong giáo dục đại học; ban hành quy định tiêu chí môi trường, sức khỏe và an toàn của Trường; rà soát, điều chỉnh bộ câu hỏi phản hồi về môi trường, sức khỏe và an toàn, bảo đảm lưu ý tới đối tượng là người khuyết tật.

10. Thu thập thông tin về nhu cầu đào tạo và yêu cầu năng lực của các vị trí việc làm từ đơn vị sử dụng lao động làm căn cứ rà soát, điều chỉnh, phát triển CTĐT, chương trình dạy học; rà soát, tích hợp và chuẩn hóa quy định, quy trình thiết kế, phát triển, chỉnh sửa CTĐT, chương trình dạy học, quy định chi tiết việc sử dụng ma trận chuẩn đầu ra trong thiết kế và rà soát đề cương học phần; tách riêng kết quả khảo sát giảng dạy và đánh giá kết quả học tập của giảng viên đối

với người học cho từng CTĐT, đánh giá mức độ tương thích phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra học phần; kết hợp nghiên cứu khoa học chuyên ngành với nghiên cứu phát triển CTĐT, chương trình dạy học; đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá của chính CTĐT; rà soát bộ phiếu và đánh giá đầy đủ chất lượng dịch vụ hỗ trợ (thư viện, phòng thí nghiệm/thực hành, hệ thống CNTT), tách riêng kết quả cho CTĐT; tăng cường cơ chế kết nối, chia sẻ và sử dụng phản hồi từ các bên liên quan, nâng cao hiệu quả khai thác kết quả khảo sát để cải tiến chất lượng dạy và học của CTĐT.

11. Rà soát và triển khai giải pháp phù hợp để rút ngắn thời gian đào tạo, tạo điều kiện sinh viên tốt nghiệp trước hạn nhưng vẫn bảo đảm chất lượng; chú trọng phát triển nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo của sinh viên về quy trình, số lượng, chất lượng và tính ứng dụng; khuyến khích công bố khoa học; tổ chức khảo sát định kỳ theo quy định, mở rộng đối tượng tới nhà tuyển dụng ở nhiều lĩnh vực/địa phương có cựu sinh viên Nhà trường; đối sánh CTĐT với các trường trong/ngoài nước theo các chỉ số và nội dung của Tiêu chuẩn 11; áp dụng quản trị theo nguyên lý và chu trình PDCA trong xây dựng, triển khai, cải tiến CTĐT; phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý; hỗ trợ nghiên cứu, đào tạo và phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị nhằm đạt chuẩn đầu ra của CTĐT ngành TMĐT.

Trên đây là những kiến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục với 11 nhóm giải pháp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch với những giải pháp cụ thể và triển khai thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Thương mại điện tử của Nhà trường. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long theo quy định hiện hành./.